

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Cấp lại lần 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 5242/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục, bản đồ khoanh vùng hạn chế và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Xét Đơn đề nghị cấp lại giấy phép khai thác nước dưới đất của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn ngày 18/3/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 119/TTr-SNNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, địa chỉ tại số 03 Lê Quý Đôn, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Công trình giếng khoan khai thác nước dưới đất.

2. Mục đích khai thác nước: Cấp nước sạch cho nhân dân xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Tại xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước lỗ hồng trầm tích bờ rời Holocen (qh); tầng chứa nước không áp.

5. Tổng số giếng khai thác: Bảy (07) giếng khoan.

6. Tổng lưu lượng nước khai thác: 1.684 m³/ngày đêm.

7. Thời hạn của giấy phép: Giấy phép có hiệu lực đến hết ngày 10 tháng 2 năm 2027.

8. Chế độ khai thác: 24 giờ/ngày, 365 ngày/năm.

9. Vị trí, tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình khai thác:

Số hiệu giếng	Tọa độ VN 2000 (Múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 106°)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước
	X(m)	Y(m)	Từ	Đến		
GK01	1954.968,24	552.683,89	12	18	4,62	qh
GK02	1955.051,43	552.559,34	10	16	4,3	qh
GK03	1955.091,75	552.531,05	12	18	2,05	qh
GK04	1955.255,90	552.412,34	9,0	14,5	2,85	qh
GK05	1955.340,96	552.362,35	9,0	15,0	2,85	qh
GK06	1955.155,40	552.325,39	10	13	1,45	qh
GK07	1955.476,08	552.520,91	12	22	5,05	qh

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này, nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước, lắp đặt thiết bị đo lưu lượng (đồng hồ nước) trong quá trình khai thác theo quy định;



3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

4. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;

5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

6. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước;

7. Hằng năm trước ngày 30 tháng 1 của năm tiếp theo, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định;

8. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa khắc phục sự cố gây sụt lún mặt đất trong quá trình khai thác; báo cáo kịp thời tới Sở Nông nghiệp và Môi trường để có biện pháp xử lý thích hợp;

9. Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình khai thác theo quy định và của pháp luật về tài nguyên nước.

10. Nộp đầy đủ các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; nộp thuế tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc cấp giấy phép khai thác nước dưới đất. Chậm nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. ✓

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XI, Chủ tịch UBND huyện Bồ Trạch, Chủ tịch UBND xã Thanh Trạch, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

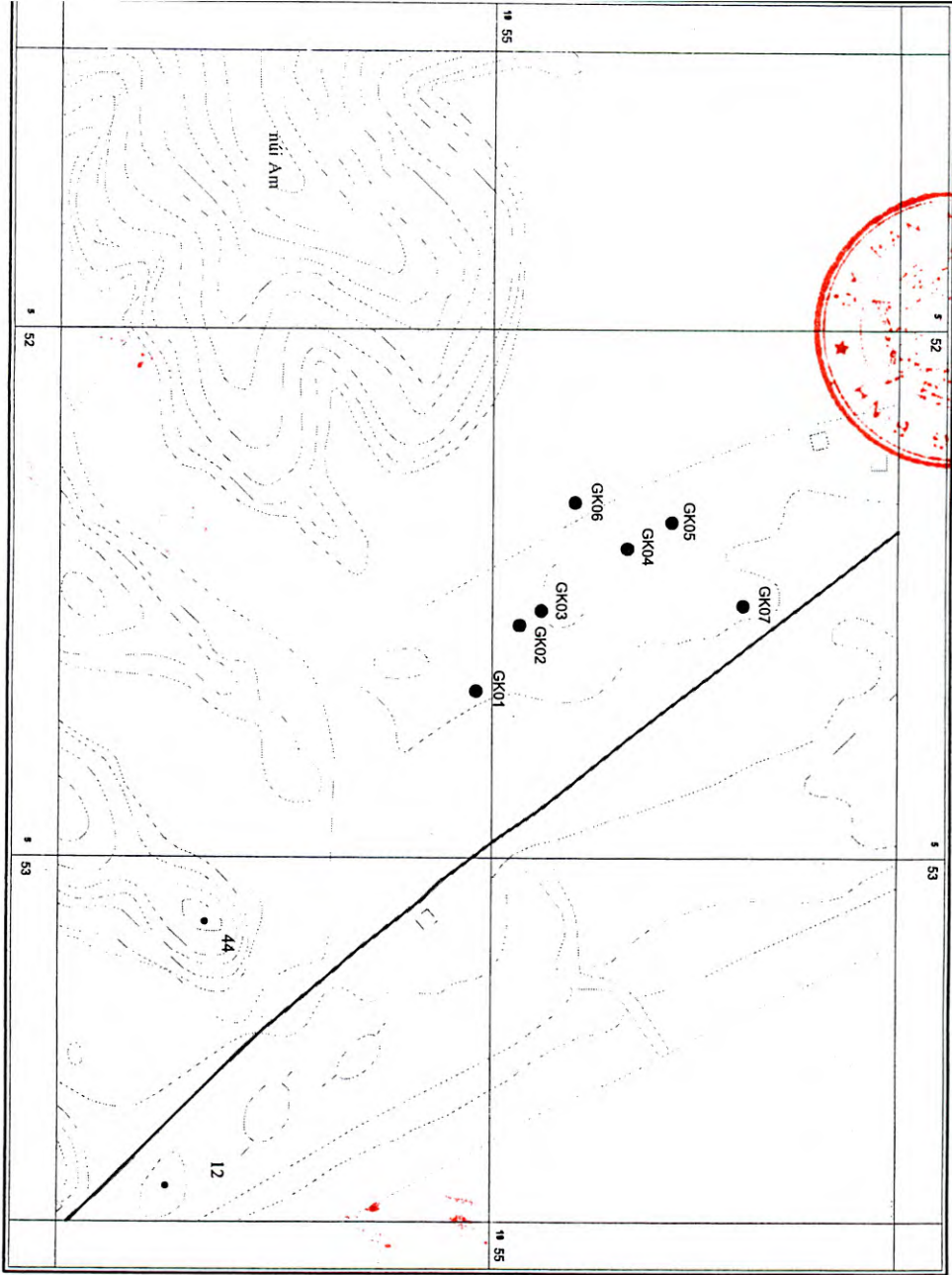


Đoàn Ngọc Lâm

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

DỰ ÁN CẤP NƯỚC SẠCH VÀ VSMT XÃ THANH TRẠCH

(Kèm theo giấy phép khai thác nước dưới đất số: 1126/GP-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)



CHÚ GIẢI

TẠO ĐỘ VÀ CẦU TRỤC GIẾNG KHOAN KHAI THÁC NƯỚC
Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 106 độ, múi chiếu 3 độ

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000		Động chống		Động lọc		Động lắng	
		X (m)	Y (m)	φ (m)	Từ (m)	Đến (m)	φ (m)	Từ (m)	Đến (m)
1	GK01	1.954.968,24	552.683,89	160	0,0	12,0	160	12,0	18,0
2	GK02	1.955.051,43	552.559,34	160	0,0	10,0	160	10,0	16,0
3	GK03	1.955.091,75	552.531,05	160	0,0	12,0	160	12,0	18,0
4	GK04	1.955.255,90	552.412,34	160	0,0	9,0	160	9,0	14,5
5	GK05	1.955.340,96	552.362,35	160	0,0	9,0	160	9,0	15,0
6	GK06	1.955.155,40	552.325,39	160	0,0	10,0	160	10,0	13,0
7	GK07	1.955.476,08	552.520,91	160	0,0	12,0	160	12,0	22,0

I. CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- Lô khoan khai thác nước
- Sông, suối
- Ranh giới xã
- Đường giao thông
- Đường dòng nước
- xóm cảnh
- Địa danh
- Khu dân cư